

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 03/2024/DS-ST
Ngày: 22-01-2024
V/v Kiện đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Hoàn

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Mai Lương Anh
- Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Ngọc Hoàng Anh là thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Thuỷ - Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 259/2023/TLST-DS ngày 02 tháng 11 năm 2023 về việc “*Kiện đòi tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1977; địa chỉ: số 22A đường Chi Lăng, Phường 9, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền: bà Lưu Ngọc P, sinh năm: 1984; địa chỉ: số 11 A đường Trần Lê, Phường 4, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. (Theo Văn bản ủy quyền ngày 20-01-2024). *Có mặt.*

2. *Bị đơn:* bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1980; địa chỉ: số 57/01 đường Phan Chu Trinh, Phường 9, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. *Có mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L cùng người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Văn T trình bày:

Bà Nguyễn Thị L và bà Nguyễn Thị H là chỗ quen biết nên bà L có tham gia chơi nhiều dây huê do bà H làm cái, đến tháng 12/2022 do bà H không còn khả năng

duy trì các dây huê nên đã viết giấy xác nhận còn nợ lại bà L số tiền 350.000.000 đồng và hẹn ngày 20-12-2022 sẽ thực hiện nghĩa vụ trả nợ, tuy nhiên đến hạn bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ và cho đến nay cũng chưa thực hiện nghĩa vụ bất cứ khoản tiền nào. Vì vậy, bà L căn cứ giấy xác nhận nợ do bà H viết để yêu cầu Toà án buộc bà H có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền 350.000.000 đồng, lãi chậm thực hiện nghĩa vụ là 10%/năm kể từ ngày 20-12-2022 cho đến khi trả xong nợ.

Bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà thừa nhận khoảng đầu tháng 12-2022 bà có viết giấy nhận nợ như nguyên đơn xuất trình cho Toà án. Toàn bộ nội dung trong giấy viết tay là do bà tự viết, sau đó bà cùng với bà Nguyễn Thị L viết và ghi họ tên phía dưới, có người làm chứng là bà Phạm Thị Tươi. Trong nội dung giấy viết thể hiện bà còn nợ tiền huê bà L với số tiền 350.000.000 đồng, hẹn tới ngày 20-12 (*Không ghi năm nhưng bà xác nhận là ngày 20-12-2022*) khi bà hốt được tiền huê sẽ trả cho bớt cho bà L, số tiền còn lại ngày 30 hằng tháng sẽ trả dần. Theo thoả thuận trong giấy viết nêu trên thì bà xác nhận đến nay bà chưa thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho bà L. Nay bà L căn cứ vào giấy xác nhận nợ yêu cầu bà thực hiện nghĩa vụ trả số tiền 350.000.000 đồng thì bà chỉ đồng ý thực hiện nghĩa vụ trả số tiền 200.000.000 đồng, bởi vì số tiền 350.000.000 đồng mà bà xác nhận nợ đã bao gồm cả tiền lãi cộng dồn.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 15-12-2023, đã triệu tập họp lệ bà H tham gia phiên họp nhưng bà H vắng mặt không có lý do. Trong khi đó, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn Tính có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được. Riêng phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt bà H theo thủ tục chung, sau đó đã thông báo kết quả cho bà H được biết.

Tại phiên tòa hôm nay,

Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là Lưu Ngọc P giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Đề nghị Toà án buộc bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền 350.000.000 đồng và lãi chậm thực hiện nghĩa vụ với mức 10%/năm kể từ ngày 20-12-2022 cho đến ngày xét xử sơ thẩm hôm nay 22-01-2024 là 31.451.834 đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H chỉ đồng ý trả cho bà L số tiền 200.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, các đương sự và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L, buộc bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền 350.000.000 đồng và lãi suất 10%/năm kể từ ngày 20-12-2022 cho đến ngày xét xử sơ thẩm 24-01-2024

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: xuất phát từ quan hệ vay mượn, chơi huê, sau khi tính toán các khoản nợ cho đến tháng 12-2023 bà Nguyễn Thị H có viết giấy để xác nhận còn nợ bà Nguyễn Thị L số tiền 350.000.000 đồng, hẹn đến 20-12-2023 sẽ thanh toán, tuy nhiên theo bà L cho đến hạn bà H đã không thực hiện nghĩa như cam kết, còn bà H cho rằng trên thực tế bà không nợ bà L số tiền 350.000.000 đồng như xác nhận mà chỉ nợ tiền huê khoảng 134.000.000 đồng, tiền vay mượn 30.000.000 đồng, tổng cộng khoảng 164.000.000 đồng, do đó chỉ đồng ý trả bà L số tiền 200.000.000 đồng (*Đã bao gồm lãi suất*). Vì vậy, bà L khởi kiện yêu cầu Toà án buộc bà H có nghĩa vụ trả lại số tiền 350.000.000 đồng đã chiếm hữu không có căn cứ, đối chiếu quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự có đủ cơ sở xác định quan hệ pháp luật phải giải quyết là “*Kiện đòi tài sản*”, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đ.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Theo tài liệu, chứng cứ là giấy viết không ghi tiêu đề, được viết bằng mực xanh trên một mặt giấy oly dạng được tách ra từ vở học sinh; phần trên cùng là tiêu ngữ, tiếp đến là nội dung, phần cuối cùng là chữ ký ghi họ tên của bà Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị L và người làm chứng Phạm Thị Tươi thể hiện bà Nguyễn Thị H xác nhận có nợ bà L số tiền 350.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà bà H xác nhận là người viết giấy nhưng cho rằng thực tế số tiền 350.000.000 đồng không phải số tiền bà thực nhận từ bà L mà số tiền này đã bao gồm tiền lãi cộng dồn.

Tại phiên toà hôm nay, bà H cho rằng thực tế bà chỉ nhận từ bà L số tiền huê khoảng 134.000.000 đồng, tiền bà mượn bà L 30.000.000 đồng, tổng cộng bà L chỉ giao cho bà số tiền khoảng 164.000.000 đồng. Do đó, qua yêu cầu của bà L thì bà chỉ đồng ý trả cho bà L 200.000.000 đồng. Ngoài ra, mỗi tháng bà cũng đã trả cho bà L khoảng 3.000.000 đồng qua việc bà L nhận tiền từ một người có nghĩa vụ đóng huê cho bà, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét. Xét ý kiến trình bày của bà H thì thấy rằng: trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà bà H không đưa ra được căn cứ nào xác thực hiện rằng bà chỉ nhận từ bà L số tiền huê khoảng 134.000.000 đồng, tiền vay 30.000.000 đồng; cũng không đưa ra được căn cứ thể hiện hàng tháng đã trả cho bà L 3.000.000 đồng. Trong khi đó, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà hôm nay thì bà L và những người đại diện theo uỷ quyền của bà L đều không thừa nhận ý kiến trình bày của bà H. Do đó, không có cơ sở để chấp nhận lời trình bày của bà H.

Theo giấy viết thể hiện bà H đã nhận và còn nợ bà L số tiền 350.000.000 đồng nên nay bà L kiện đòi lại số tiền này là có căn cứ để chấp nhận.

[3.2] Về lãi suất chậm trả tiền:

Theo giấy viết thể hiện đến ngày 20-12-2022 thì bà H bắt đầu phải thực hiện nghĩa vụ trả dần cho bà L số tiền 350.000.000 đồng, quá trình giải quyết vụ án bà H xác nhận chưa thực hiện nghĩa vụ. Do đó, bà L yêu cầu bà H có nghĩa vụ trả lãi suất phát sinh do chậm trả tiền với mức 10%/năm trên số tiền 350.000.000 đồng kể từ ngày 20-12-2022 cho đến ngày xét xử hôm nay 22-01-2024 (13 tháng 02 ngày) với số tiền là 31.451.834 đồng là phù hợp, không cao hơn so với quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 nên cần chấp nhận.

[4] Với những phân tích trên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L buộc bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả số tiền 350.000.000 đồng và số tiền lãi chậm trả tiền là 31.451.834 đồng. Tổng số tiền bà Nguyễn Thị H phải trả cho bà L là 381. 451.834 đồng

[5] Về án phí:

Do yêu cầu khởi được chấp nhận nên bà L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho bà L.

Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền 381. 451.834 đồng phải trả cho bà Nguyễn Thị L. Án phí sẽ là $381. 451.834 \text{ đồng} \times 5\% = 19.072.591 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 166, Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyễn Thị L về việc “*Kiện đòi tài sản*”. Buộc bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền 350.000.000 đồng và lãi suất chậm trả là 31.451.834 đồng. Tổng cộng là 381. 451.834 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

2.1. Bà Nguyễn Thị L được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.435.000 đồng theo Biên lai thu số 0000005 ngày 01 tháng 11 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ.

2.2. Buộc bà Nguyễn Thị H phải chịu 19.072.591 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (2);
- VKSND thành phố Đ;
- Chi cục THADS thành phố Đ;
- Đương sự;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Lưu hồ sơ vụ án; bộ phận lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Công Hoàn